

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/DS-ST

Ngày: 25-10-2019

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thành Chung**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Nguyễn Văn Thả**;

2. Ông **Phan Ngọc Thạch**.

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Bùi Văn Cường**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Văn Hào** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2019/TLST-DS, ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*-Nguyên đơn:* Bà **Đỗ Thị A**, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ 5, kp A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

*Người đại diện theo pháp luật của bà A:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 4, kp B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/3/2019 (có mặt).

*-Bị đơn:*

1. Ông **Ngô Trường D**, sinh năm 1973; hộ khẩu thường trú: Tổ 10, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nơi tạm trú: Tổ 6, kp A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Bà **Trần Thị Ngọc P**, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 6, kp A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 26/3/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn bà Đỗ Thị A trình bày:*

Do quen biết nên vào ngày 30/12/2016 âm lịch (nhằm ngày 27/01/2017 dương lịch) bà có cho ông D vay số tiền 204.000.000 đồng, có làm giấy do ông D viết, ký tên,

mục đích vay để mua xe máy cày và làm vốn mua bán ở chợ T, hẹn đến hết tháng 02/2017 âm lịch sẽ trả đủ; lãi suất thỏa thuận 2%/tháng nhưng không ghi vào giấy. Bà giao tiền trực tiếp cho ông D, không có mặt bà P, bà P cũng không ký giấy nợ. Từ khi làm giấy vay đến nay ông D chưa trả cho bà số tiền gốc, lãi nào. Bà có điện thoại cho ông D đòi nợ nhiều lần, cũng có đến gặp bà P đòi nợ nhiều lần, bà P cũng có hứa chờ ông D bán máy cày sẽ trả nợ cho bà nhưng đến nay cũng chưa trả.

Nay bà yêu cầu ông D, bà P cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà 204.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 27/01/2017 đến nay tính tròn là 31 tháng theo mức lãi suất 0,75%/tháng thành tiền là 47.430.000 đồng, tổng cộng là 251.430.000 đồng. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

*Bị đơn ông Ngô Trường D trình bày:*

Khoảng tháng 10/2013 âm lịch, ông có vay của bà A số tiền 120.000.000 đồng để mua máy cày, có làm giấy ghi trong sổ của bà A giữ, lãi thỏa thuận 3,5%/tháng (4.200.000 đồng/tháng), hẹn đến khoảng cuối năm 2014 âm lịch thì trả gốc, lãi một lần. Đến hẹn, ông chỉ trả cho bà A được 50.400.000 đồng tiền lãi, không làm giấy nhận tiền lãi, chưa trả được tiền gốc nào và có làm lại giấy nợ khác và gạch bỏ giấy nợ cũ trong sổ của bà A. Thỏa thuận trong giấy nợ mới không có gì thay đổi đối với lần trước, chỉ có thay đổi về thời hạn trả nợ là vào cuối năm 2015 âm lịch. Đến hạn, ông có trả được 20.000.000 đồng tiền lãi, không làm giấy nhận tiền lãi, chưa trả được tiền gốc nhưng không viết giấy nợ mới. Ông chỉ ghé nhà đưa cho bà A 20.000.000 đồng rồi đi chứ không có nói gì với nhau. Đến ngày 30/12/2016 âm lịch ông có đến nhà xin bà A cho ông không trả lãi nữa và chốt lại tiền gốc còn nợ là 120.000.000 đồng cộng tiền lãi tính đến ngày này là 84.000.000 đồng, tổng cộng là 204.000.000 đồng thì bà A đồng ý. Ông có viết lại Giấy nợ với số tiền 204.000.000 đồng cho bà A là Giấy mà bà A cung cấp cho Tòa án. Từ khi viết giấy này đến nay ông không trả được cho bà A số tiền nào, cách đây khoảng 03 tháng ông có kêu bà A lấy máy cày của ông trừ nợ nhưng bà A không đồng ý và kiện ông.

Toàn bộ quá trình vay nợ thì chỉ có ông vay chứ bà P không liên quan, bà P không biết việc ông vay nợ bà A. Ông có vay tiền bà A trước đó nhiều lần và có nói với bà A là không liên quan đến bà P. Sau này, bà A đến gặp bà P đòi số tiền đang khởi kiện thì bà P có báo lại việc này cho ông biết. Từ ngày kết hôn đến nay thì ông làm rẫy, bà P mua bán tại chợ T. Công việc làm ăn của ông thì tự ông thu xếp bà P không biết cụ thể, ngược lại việc buôn bán của bà P thì ông cũng không biết cụ thể. Tuy nhiên, mọi chi phí trong gia đình thì phải cùng nhau lo, khi ông làm ăn được thì có lo nhưng từ năm 2017 đến nay ông làm ăn thất bại, không lo được gì. Vợ chồng ông cũng có mâu thuẫn với nhau vì ông làm ăn thất bại và ly thân khoảng 03 năm nay. Bà P vẫn buôn bán ở chợ T, còn ông thì phải đi làm ăn xa để kiếm tiền trả nợ. Vợ chồng ông chỉ có 0,5 ha đất ở ấp T, xã T đứng tên chung. Ông còn lại 02 chiếc máy cày đang gởi người quen ở huyện B, tỉnh Tây Ninh

Nay ông chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền gốc còn nợ theo giấy nợ ngày 30/12/2016 âm lịch là 204.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì đã trả nhiều rồi và xin được trả dần. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

*Bị đơn bà Trần Thị Ngọc P trình bày:*

Tuy bà và ông D là vợ chồng nhưng công việc làm ăn riêng biệt, không ai liên quan đến ai. Bà không biết việc ông D có vay tiền của bà A nên bà không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà A. Nếu ông D có vay tiền của bà A thì ông D phải có nghĩa vụ trả chứ không liên quan gì đến bà. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

*Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc ông D, bà P cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà A số tiền cả gốc lẫn lãi tổng cộng là 251.430.000 đồng.

+ Buộc ông D, bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị A là Nguyên đơn trong vụ án vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị H đại diện. Bà Trần Thị Ngọc P là Bị đơn trong vụ án vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà A, bà P.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, bà H đại diện cho bà A yêu cầu Tòa án buộc ông D, bà P cùng có nghĩa vụ trả cho bà A 204.000.000 đồng tiền gốc và 47.430.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 251.430.000 đồng. Ông D đồng ý trả tiền gốc, không đồng ý trả tiền lãi và không đồng ý với yêu cầu của bà A về việc buộc bà P cùng có nghĩa vụ trả nợ vì bà P không biết việc ông vay tiền của bà A.

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của bà A thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông D thừa nhận còn nợ của bà A 204.000.000 đồng tiền gốc và

đồng ý trả lại cho bà A nên cần buộc ông D trả lại cho bà A số tiền này là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà A thấy rằng: Hai bên đều thừa nhận khi làm giấy nợ ngày 30/12/2016 âm lịch thì ông D hẹn đến hết tháng 02/2017 âm lịch sẽ trả nên không tính lãi. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không có lãi. Ông D thừa nhận từ ngày 30/12/2016 âm lịch đến nay ông không trả cho bà A được số tiền gốc, lãi nào nên phải trả lãi cho bà A vì đã chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa, bà H đại diện cho bà A chỉ yêu cầu ông D, bà P phải trả tiền lãi tính từ ngày 27/01/2017 đến nay tính tròn là 31 tháng theo mức lãi suất 0,75%/tháng, thành tiền là 47.430.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông D cho rằng đã trả lãi cho bà A nhiều rồi nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó, cần buộc ông D có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền lãi trên là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu của bà A về việc yêu cầu bà P cùng có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tổng cộng 251.430.000 đồng thấy rằng: Căn cứ vào lời khai của ông D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định ông D vay tiền của bà A để mua máy cày, mục đích làm rẫy để đóng góp chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Ông D cũng thừa nhận chi tiêu sinh hoạt trong gia đình thì vợ chồng cùng nhau chi phí. Khi ông D vay tiền bà P không biết nhưng khi bà A đi đòi nợ thì bà P đã biết và có báo cho ông D biết việc bà A đòi nợ. Số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đang còn tồn tại giữa ông D và bà P. Ông D, bà P không có văn bản nào thể hiện việc thỏa thuận với nhau về việc xác định tài sản, nghĩa vụ riêng trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, căn cứ vào quy định tại các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần buộc bà P cùng có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền trên là phù hợp.

[2.4] Từ những nhận định trên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc ông D và bà P cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà A số tiền cả gốc lẫn lãi là 251.430.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc ông D, bà P phải chịu 12.571.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho bà A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A đối với ông Ngô Trường D và bà Trần Thị Ngọc P về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Ngô Trường D và bà Trần Thị Ngọc P cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Đỗ Thị A 204.000.000 (hai trăm lẻ bốn triệu) đồng tiền gốc và 47.430.000 (bốn

mười bảy triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng tiền lãi, tổng cộng là 251.430.000 đồng (hai trăm năm mươi một triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Đỗ Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án ông Ngô Trường D và bà Trần Thị Ngọc P không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án ông Ngô Trường D và bà Trần Thị Ngọc P còn phải trả cho người được thi hành án bà Đỗ Thị A số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Ông Ngô Trường D và bà Trần Thị Ngọc P phải chịu 12.571.500 (mười hai triệu năm trăm bảy mươi một nghìn năm trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đỗ Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Đỗ Thị A 6.591.000 (sáu triệu năm trăm chín mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0015236 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (do bà Nguyễn Thị H là người nộp thay).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà A, ông D biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**Nguyễn Thành Chung**